kythithpt.com
Thi thử online • Luyện như thi thật

ĐỀ THI THỬ TRỰC TUYẾN

(Đề thi có 2 trang)

CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2026–2027

MÔN: VẬT LÝ - LỚP 10

*Thời gian làm bài: **50 phút**, không kể thời gian phát đề*

Phát hành ngày 19/10/2026

Họ và tên: .....

Số báo danh: .....

Mã đề: L10.CK1.031

TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Vật rơi tự do được quãng đường $1,79$ m trong $0,6$ s. Gia tốc rơi tự do đo được bằng (làm tròn đến hàng phần trăm).

A. $9,94\ \text{m/s}^2$ **B.** $5,97\ \text{m/s}^2$ **C.** $4,97\ \text{m/s}^2$ **D.** $2,98\ \text{m/s}^2$

Câu 2. Một vật ở vị trí có toạ độ -29 m trên trục Ox. Nay chọn gốc toạ độ mới tại điểm có toạ độ cũ -26 m, chiều dương giữ nguyên. Toạ độ của vật lúc t_2 trong hệ mới bằng

A. -55 m **B.** -29 m **C.** -20 m **D.** -3 m

Câu 3. Theo định luật III Newton, lực và phản lực

A. cùng chiều và cùng độ lớn.

B. cùng độ lớn, ngược chiều và cùng đặt lên một vật.

C. cùng độ lớn, ngược chiều, cùng giá và đặt lên hai vật khác nhau.

D. có độ lớn tỉ lệ với khối lượng của hai vật.

Câu 4. Cùng một nhiệt kế lần lượt hiển thị $M_A = 19\ ^\circ\text{C}$, $M_B = 12\ ^\circ\text{C}$. Mô hình mỗi lần là $M_i = T_i + b + \varepsilon_i$: b giống hệt ở hai lần, chưa biết trong $[-3; 3]\ ^\circ\text{C}$ | ε_A| $\le 0,3\ ^\circ\text{C}$, | ε_B| $\le 0,2\ ^\circ\text{C}$. Hai sai số riêng độc lập về giới hạn, không giả định phân bố xác suất. Khoảng chặt nhất của hiệu nhiệt độ thật là gì?

A. $[7; 7]\ ^\circ\text{C}$. **B.** $[0,5; 13,5]\ ^\circ\text{C}$. **C.** $[6,5; 7,5]\ ^\circ\text{C}$. **D.** $[6,7; 7,3]\ ^\circ\text{C}$.

Câu 5. Một lực 21 N có cánh tay đòn 3 cm đối với trục quay. Moment của lực bằng

A. $21\ \text{N·cm}$ **B.** $24\ \text{N·cm}$ **C.** $7\ \text{N·cm}$ **D.** $63\ \text{N·cm}$

Câu 6. Vật $m_1 = 14$ kg nằm trên mặt bàn nằm ngang, nối qua một ròng rọc nhẹ ở mép bàn với vật $m_2 = 15$ kg treo lơ lửng. Dây nhẹ, không dãn; lấy $g = 10\ \text{m/s}^2$. Bỏ qua ma sát. Gia tốc của hệ bằng (làm tròn đến hàng phần trăm).

A. $10,71\ \text{m/s}^2$ **B.** $10\ \text{m/s}^2$ **C.** $29\ \text{m/s}^2$ **D.** $5,17\ \text{m/s}^2$

Câu 7. Một ô tô chạy với tốc độ 18 m/s trên đường trơn vì bùn. Người lái phản ứng mất $1,5$ s rồi phanh, xe giảm tốc đều với độ lớn gia tốc $4\ \text{m/s}^2$ cho tới khi dừng hẳn. Tổng quãng đường từ lúc thấy chướng ngại tới lúc xe dừng hẳn bằng

A. $94,5$ m **B.** $67,5$ m **C.** $40,5$ m **D.** 27 m

Câu 8. Trên đồ thị vận tốc – thời gian, diện tích phần giới hạn bởi đồ thị và trục hoành cho biết

A. quãng đường theo phương thẳng đứng. **B.** độ dịch chuyển của vật.

C. vận tốc trung bình của vật. **D.** gia tốc của vật.

Câu 9. Việc "dự đoán rằng thời gian rơi không phụ thuộc khối lượng vật" thuộc bước nào trong tiến trình tìm hiểu tự nhiên?

A. Lập kế hoạch kiểm tra giả thuyết
B. Hình thành giả thuyết
C. Rút ra kết luận, báo cáo
D. Thực hiện kế hoạch, thu thập số liệu

Câu 10. Phát biểu nào sau đây đúng?

A. Khối lượng không đổi khi mang vật đi nơi khác, còn trọng lượng thì đổi theo gia tốc trọng trường.
B. Khối lượng của vật giảm đi khi mang lên Mặt Trăng.
C. Trọng lượng và khối lượng là hai tên gọi của cùng một đại lượng.
D. Trọng lượng của vật như nhau ở mọi nơi trong vũ trụ.